Đồ họa



Tuần 4

Giảng viên: Trần Đức Minh

Nội dung bài giảng

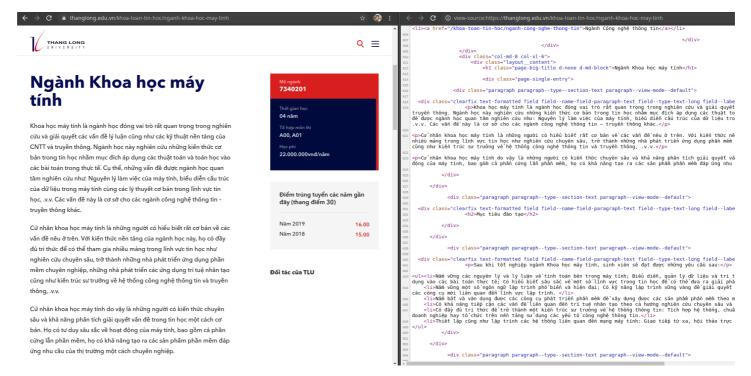


- Giới thiệu về HTML
- Giới thiệu về ngôn ngữ Javascript
- Cơ bản về xử lý sự kiện trong Javascript
- Các phương pháp nắm bắt sự kiện
- Sự kiện của các đối tượng cơ bản
- Các ví dụ

Giới thiệu về HTML



 HTML (Hypertext Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản có sử dụng các tag để định nghĩa các thành phần bên trong trang Web.



Giới thiệu về ngôn ngữ Javascript



- Là một ngôn ngữ lập trình kịch bản (không đòi hỏi biên dịch trước khi thực thi) với cách viết tưa C.
- Mã lệnh của Javascript được thực thi bởi Web Browser.
- Được sử dụng kết hợp với HTML nhằm tăng hiệu quả thiết kế và hoạt động trên giao diện Web.

Giới thiệu về ngôn ngữ Javascript



- Cách nhúng Javascript vào HTML
 - Cách 1: Viết mã lệnh Javascript bên trong phần nội dung của tag

<script type="text/javascript"> ... </script>

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Show warning</title>
</head>
<body>
    <button id="show-warning">Show</button>
</body>

<script type="text/javascript">

let show_warning = function () {
        alert("Day la canh bao !!!");
    }

let button = document.getElementById("show-warning");

button.onclick = show_warning;

</script>
</html>
```

Giới thiệu về ngôn ngữ Javascript



- Cách nhúng Javascript vào HTML
 - Cách 2: Viết mã lệnh Javascript bên trong một file có đuôi .js, sau đó thiết đặt giá trị của thuộc tính src trong tag script là đường dẫn đến file này.

```
<script type="text/javascript" src="../../Common/initShaders.js"></script>
<script type="text/javascript" src="../../Common/MVnew.js"></script>
<script type="text/javascript" src="tlu.js"></script></script>
```

Cơ bản về xử lý sự kiện trong Javascript



- Lập trình hướng sự kiện (Event-driven programming) là mô hình trong đó luồng chương trình được xác định bởi các hành động của người sử dụng như nhấp chuột, nhấn phím, ...
- Trong ứng dụng hướng sự kiện, luôn có một vòng lặp chạy liên tục để nghe sự kiện. Khi phát hiện có một sự kiện nào đó xảy ra, hệ thống sẽ tự động gọi đến hàm callback liên quan đến sự kiến đó.



onLoad

onDone

Cơ bản về xử lý sự kiện trong Javascript



- Hàm callback
 - Trong javascript, hàm callback là một hàm bất kỳ, được truyền vào hàm khác như một tham số và hàm callback sẽ được thực hiện ở bên trong hàm đó.

```
Ví dụ:
function f1() { ... }
function f2(fcb) {
fcb();
}
f2(f1);
```

Ví dụ 1



 Nghiên cứu các trường hợp xảy ra khi có và không có hàm callback.

Cơ bản về xử lý sự kiện trong Javascript



- Để xử lý sự kiện trong Javascript, ta cần hiểu 2 khái niệm sau
 - Event handlers là các hàm do người lập trình tạo ra, hàm này được gọi khi một sự kiện nào đó được kích hoạt.
 - Ví dụ: Hàm được gọi khi click chuột, hoặc nhấn một phím trên bàn phím, hoặc thay đổi kích thước cửa sổ, ...
 - Mỗi event listener là một thủ tục dùng để "nghe" (đợi) sự kiện xuất hiện.
 - Mỗi event listener cần được đăng ký trước để nắm bắt sự kiện.
 - Khi sự kiện xuất hiện event handler gắn với event listener sẽ được thực hiện.



- Phương pháp 1: Gán trực tiếp event handler trong thuộc tính của đối tượng điều khiển
 - Không nên sử dụng cách này khi lập trình do khó quản lý code.

 Code này trộn lẫn HTML và mã Javascript nên sẽ gây khó khăn trong việc phân tích và sửa đổi chương trình.



 Phương pháp 2: Gán event handler cho thuộc tính của đối tượng.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
   <title>Show warning</title>
</head>
<body>
   <button id="show-warning">Show</button>
</body>
<script type="text/javascript">
   let show warning = function () {
        alert("Day la canh bao !!!");
   let button = document.getElementById("show-warning");
   button.onclick = show warning;
</script>
</html>
```



• Phương pháp 3: Đối với mỗi sự kiện, sử dụng hàm addEventListener() để đăng ký event listener, đồng thời gắn kèm event handler để khi sự kiện được kích hoạt, event handler gắn kèm sẽ tự động thực hiện.



Phương pháp 3:

Ta có thể gắn kèm nhiều event handler vào một event listener. Khi sự kiện được kích hoạt, tất cả event handler sẽ cùng được thực hiên.



- Phương pháp 3:
 - Sử dụng hàm removeEventListener() để xóa event handler của một event listener.



- Xử lý sự kiện với đối tượng Button
 - Tạo Button trong file HTML
 <button id="idButton">Thông tin hiển thị</button>

Thông tin hiển thị

- Sử dụng tag có tên là button
- id của button là idButton được sử dụng để nhận diện Button
- Dòng chữ Thông tin hiển thị sẽ được hiển thị bên trên Button



- Xử lý sự kiện với đối tượng Button
 - Xử lý sự kiện click chuột của Button

Ví dụ 2



- Viết chương trình cho chữ T xoay liên tục quanh gốc tọa độ. Sử dụng 2 Button làm nhiệm vụ:
 - Điều khiển chữ T xoay theo chiều kim đồng hồ.
 - Điều khiển chữ T xoay ngược chiều kim đồng hồ.



- Xử lý sự kiện với đối tượng Select
 - Tạo đối tượng Select trong file HTML

```
<select id="idSelect" size="2">
     <option value="0">Thông tin dòng 1</option>
     <option value="1">Thông tin dòng 2</option>
     <option value="2">Thông tin dòng 3</option>
</select>
```

Thông tin dòng 1
Thông tin dòng 2

- Sử dụng tag có tên là select
- Đối tượng Select sẽ chỉ hiển thị trực tiếp 2 dòng do size=2
 - Nếu để size=1 hoặc không thiết lập thuộc tính size thì đối tượng select sẽ chuyển sang dạng đối tượng combobox



Xử lý sự kiện với đối tượng Select

});

Xử lý sự kiện click chuột của Select

```
var mySelect = document.getElementById("idSelect");
mySelect.addEventListener("click", function() {
    switch(mySelect.selectedIndex) {      // L ấy chỉ số dòng
```

```
switch(mySelect.selectedIndex) { // Lấy chỉ số dòng case ... }

// Lấy giá trị của chỉ số dòng switch(mySelect.options[mySelect.selectedIndex].value) { case ... }
```

Ví dụ 3



- Dựa trên Ví dụ 2, thêm một hộp thoại lựa chọn để điều khiển tốc độ quay của chữ T. Giả sử ta có 5 tốc độ:
 - Quay siêu nhanh
 - Quay nhanh
 - Quay vừa
 - Quay chậm
 - Quay siêu chậm



- Xử lý sự kiện với bàn phím
 - Xử lý sự kiện keydown của bàn phím

Ví dụ 4



- Dựa trên Ví dụ 3, điều khiển hướng quay và tốc độ của chữ T dựa trên bàn phím. Giả sử ta định nghĩa các phím như sau:
 - Phím mũi tên trái và phải trên bàn phím điều khiển việc quay trái và phải.
 - Phím mũi tên lên và xuống trên bàn phím điều khiển việc tốc độ quay.

 Chú ý: Sử dụng hàm console.log để in thông tin của các phím chức năng khác vào cửa số console của browser mỗi khi được nhấn.



- Xử lý sự kiện với đối tượng Slider
 - Tạo đối tượng Slider trong file HTML

```
<input id="idSlider" type="range" min="0" max="100" step="10" value="50" />
```

- Sử dụng tag có tên là input cùng với thuộc tính type="range"
- Thuộc tính min và max thể hiện khoảng giá trị của Slider
- Thuộc tính step là giá trị mỗi bước di chuyển của Slider
- Thuộc tính value là giá trị ban đầu của Slider

Làm việc với sự kiện



- Xử lý sự kiện với đối tượng Slider
 - Xử lý sự kiện thay đổi giá trị của Slider
 var mySlider = document.getElementById("idSlider");

```
mySlider.addEventListener("change", function() {
    var value = parseFloat(event.target.value);
});
```

Ví dụ 5

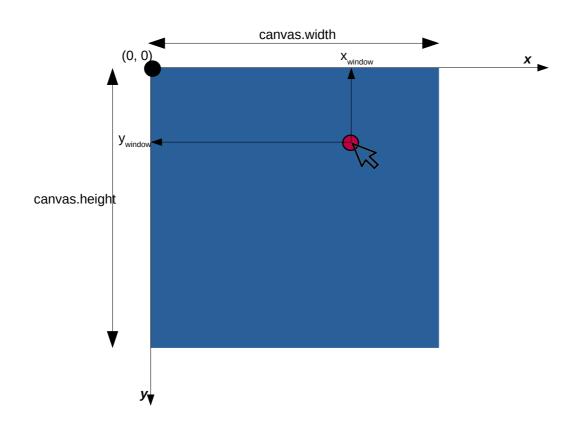


 Dựa trên Ví dụ 4, thêm vào chương trình một Slider làm nhiệm vụ phóng to, thu nhỏ chữ T trong khi đang quay.

 Chú ý: Giá trị trong khoảng (0, 1) là thu nhỏ chữ T.

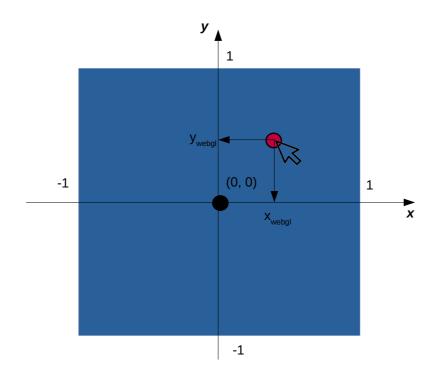


- Trục tọa độ cửa sổ
 - Tọa độ con trỏ chuột trên trục tọa độ cửa sổ



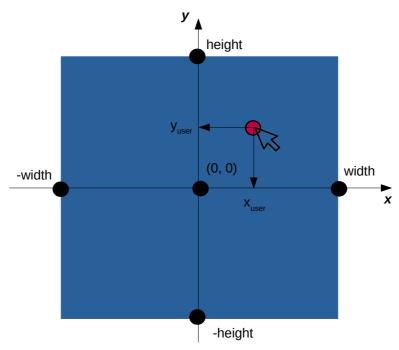


- Trục tọa độ của WebGL
 - Tọa độ con trỏ chuột trên trục tọa độ của WebGL





- Trục tọa độ của người sử dụng
 - Tọa độ con trỏ chuột trên trục tọa độ của người sử dụng





- Ta cần biến đổi tọa độ con trỏ chuột
 - Từ trục tọa độ cửa sổ sang trục tọa độ WebGL.
 - Từ trục tọa độ cửa sổ sang trục tọa độ của người sử dụng.
- Ta có công thức biến đối tọa độ từ trục tọa độ cửa sổ sang trục tọa độ WebGL như sau:

$$x_{webgl} = -1 + \frac{2 * x_{window}}{width_{canvas}}$$

$$y_{\textit{webgl}} \! = \! -1 + \frac{2 \! * \! \left(\textit{height}_{\textit{canvas}} \! - \! y_{\textit{window}} \right)}{\textit{height}_{\textit{canvas}}}$$



 Ta có công thức biến đổi tọa độ từ trục tọa độ người sử dụng sang trục tọa độ WebGL như sau:

$$x_{webgl} = \frac{x_{user}}{width_{canvas}}$$

$$y_{webgl} = \frac{y_{user}}{height_{canvas}}$$



• Để biến đổi tọa độ từ trục tọa độ cửa số sang trục tọa độ người sử dụng ta rút gọn công thức sau (được rút ra từ 2 công thức trên):

$$\frac{x_{user}}{width_{canvas}} = -1 + \frac{2 * x_{window}}{width_{canvas}}$$

$$\frac{y_{user}}{height_{canvas}} = -1 + \frac{2 * (height_{canvas} - y_{window})}{height_{canvas}}$$



 Sau khi rút gọn ta có công thức biến đổi tọa độ từ trục tọa độ cửa sổ sang trục tọa độ người sử dụng như sau:

$$x_{user} = 2 * x_{window} - width_{canvas}$$

$$y_{user} = height_{canvas} - 2 * y_{window}$$

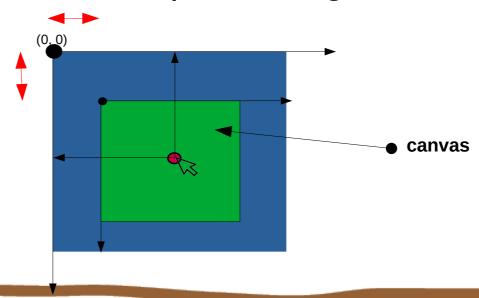


- Xử lý sự kiện với chuột
 - Lấy vị trí click chuột trên trục tọa độ cửa sổ

```
canvas.addEventListener("click", function(event) {
   var x = event.clientX; // Toa đô x của điểm click
   var y = event.clientY; // Toa đô y của điểm click
});
```



- Xử lý sự kiện với chuột
 - Do vùng hiển thị của canvas nằm bên trong nội dung của browser, do đó để xác định chính xác vị trí click chuột bên trong canvas, ta cần phải hiệu chỉnh lại tọa độ bằng cách trừ đi khoảng cách giữa cạnh canvas và mép nội dung của browser.



Ví dụ 6



 Viết chương trình mỗi khi click chuột lên màn hình, chương trình sẽ hiển thị một điểm ảnh màu đỏ tại vị trí vừa click chuột.



- Xử lý sự kiện với cửa sổ
 - Xử lý sự kiện resize (thay đổi kích thước) của cửa sổ

```
window.addEventListener("resize", function() {
   var newWidth = innerWidth; // Độ rộng mới của cửa sổ
   var newHeight = innerHeight; // Chiều cao mới của cửa sổ
});
```

Ví dụ 7



 Dựa trên ví dụ 5, viết chương trình xử lý sự kiện resize cửa sổ sao cho mỗi lần thực hiện resize, viewport tự động điều chỉnh chiều rộng và chiều cao của vùng vẽ bằng ½ chiều cao của cửa sổ.

Hết Tuần 4



Cảm ơn các bạn đã chú ý lắng nghe !!!